

ĐẠO HÀ TĨNH

TỜ TÂU
LÝ THẦN ĐẠO HÀ TĨNH KÍNH TUÂN LỜI PHÊ BIÊN VẼ BẢN ĐỒ
TIẾN TRÌNH

Bản đồ kèm theo:

Đạo Hà Tĩnh
Huyện Thạch Hà
Huyện Cẩm Xuyên
Huyện Kỳ Anh

河靜道
石河縣
錦川縣
奇英縣

ĐẠO HÀ TỈNH

Thành đạo ở phía đông dịch lộ, địa phận xã Đại Nại, tổng Thượng Nhị, huyện Thạch Hà (nguyên là thành của huyện Thạch Hà cũ). Thân thành xây gạch, chu vi 192 thước 8 thước, cao 1 thước. Thành có 4 góc, 3 cửa; hào rộng 25 thước, sâu 2 thước 2 tấc.

Đạo hạt¹ đông giáp biển lớn, tây giáp núi lớn (phía tây núi là sách Thanh Lãng, tỉnh Quảng Bình và địa hạt huyện Hương Sơn, tỉnh Nghệ An); nam giáp huyện Bình Chánh, phủ Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, lấy nửa đỉnh Hoàn Sơn làm địa giới; bắc giáp huyện Can Lộc, phủ Đức Thọ tỉnh Nghệ An, lấy Ngạn Giang (sông Nghèn) làm địa giới.

Nam bắc cách nhau 171 dặm 75 thước. Đông tây cách nhau 103 dặm (ở Kỳ Anh) hoặc 68 dặm (ở Thạch Hà, Cẩm Xuyên).

Đạo kiêm lý 2 huyện Thạch Hà, Cẩm Xuyên, thống hạt 1 huyện Kỳ Anh.

Toàn đạo có 15 tổng, gồm 247 xã, thôn, trang, phường, vạ.

Lấy lính: 2.244 người.

Nhân số các hạng 18.080 người. Trong đó:

-Chức sắc: 438 người.

-Miễn sai dịch: 761 người.

-Lính tuyển: 2.244 người.

-Chánh nạp: 14.637 người.

Đất công, tư: 7.585 mẫu có lẽ.

Ruộng công, tư: 32.384 mẫu có lẽ.

Ruộng muối: 49 mẫu 3 sào có lẽ.

Thuế nộp bằng tiền: (bao gồm cả thuế đinh, thuế ruộng và thuế đất).

-Lệ cũ 25.764 quan có lẽ.

-Lệ mới 30.181 quan có lẽ.

Thuế nộp bằng thóc:

-Lệ cũ: 21.994 hộ có lẽ.

-Lệ mới: 26.527 hộ có lẽ.

Thuế muối: 3.702 thăng có lẽ.

¹ Đạo Hà Tĩnh 河靜道: Thời Tiên Lê là châu Thạch Hà 石河州, đời Trần là châu Nhật Nam 日南州. Thuộc Minh là châu Nam Tĩnh 南靖州, gồm 4 huyện: Khả Hoàng 可黃, Trại Thạch 砦石, Hà Hoa 河華, Kỳ La 奇羅. Đời Lê Thánh Tông năm Quang Thuận 10 (1469) đặt phủ Hà Hoa gồm 2 huyện Thạch Hà và Kỳ Hoa và 4 trong 6 huyện thuộc phủ Đức Quang (La Sơn, Thiên Lộc, Nghi Xuân, Hương Sơn) thuộc trấn Nghệ An. Các triều sau đều theo thế. Năm Minh Mệnh thứ 12 (1831) tách phủ Đức Thọ (tức Đức Quang đổi tên năm 1822 và từ 1826 chỉ còn 4 huyện kê trên) hợp với phủ Hà Hoa 河華府 làm tỉnh Hà Tĩnh 河靜省. Năm Minh Mệnh 18 (1837) lập thêm huyện Hoa Xuyên 華川縣 thuộc phủ Hà Hoa. Đầu đời Thiệu Trị (1841), do kiêng húy chữ Hoa (tên húy Hoàng thái hậu mẹ vua Thiệu Trị) đổi phủ Hà Hoa là phủ Hà Thanh 河清府, huyện Kỳ Hoa 奇華縣 đổi là huyện Kỳ Anh 奇英縣, huyện Hoa Xuyên 華川縣 đổi là huyện Cẩm Xuyên 錦川縣. Năm Tự Đức 6 (1853) lại tách chuyển phủ Đức Thọ về tỉnh Nghệ An và đổi phủ Hà Thanh làm đạo Hà Tĩnh 河靜道, đặt thuộc vào Nghệ An. Năm Tự Đức 17 (1864) đặt riêng làm một đạo, nhưng vẫn thuộc quyền của Tổng đốc An-Tĩnh. Đạo Hà Tĩnh như vậy chỉ tương ứng với phần phía nam tỉnh Hà Tĩnh (gồm các huyện Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, Thạch Hà, và phần phía nam huyện Can Lộc) hiện nay.

Phong tục:

Trong đạo hạt, cả ba huyện Thạch Hà, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh phong tục đại để cân cù tiết kiệm, chuộng khí tiết. Học trò chăm học nghiệp, dân chăm làm lụng, phần nhiều nghề thô, ít nghề khéo, dân gần núi sống bằng nghề than củi; dân gần biển làm nghề cá. Dân đạo ít, dân lương nhiều. Còn như các việc cưới xin ma chay thì tập tục cũng tương đồng như các nơi khác.

Sản vật:

Sản vật trong đạo, đại để lúa hè nhiều, lúa thu ít. Cá, muối xuất ở hai cửa tấp Nhượng thuộc Cẩm Xuyên, Kỳ Anh. Trâu bò xuất ở các thôn Xuân Sơn, Vọng Liễu huyện Kỳ Anh; cỏ tiên mao có nhiều ở núi Bảo Đài (thuộc Thạch Hà), ốc cừu khổng (bào ngư) sản ở đảo Ô Tôn (núi sát biển thuộc huyện Kỳ Anh). Thạch Hà thì có cà cuống, vài ba thôn trồng mía; các nơi khác như Đông Môn có vải trắng, Trảo Nha có chiếu cói. Một số nơi có dệt vải, nhưng phần nhiều là loại vải thô, khổ hẹp, chỉ thích dụng trong dân mà thôi. Còn như khoai sắn thì nơi nào cũng có.

Khí hậu:

Trong đạo hạt cả ba huyện Thạch Hà, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh khí hậu đại để là từ tiết thu phân đến xuân phân lạnh nhiều. Cuối xuân đến đầu thu nóng nhiều. Khoảng giao thời từ thu sang đông thường mưa lụt. Mùa hè nhiều gió nam, khoảng tháng 8, 9 thường có nhiều bão lớn đến, tục gọi là *Gió bão*. Thủy triều lên xuống mỗi ngày một lần, nhưng thời khắc có khác nhau. Vùng núi nhiều lam chướng, ruộng đất bị xói mòn. Lúa hè đến sau hạ tuần tháng 8 hàng năm mới gieo mạ, tháng 11 xuống cấy, tháng 4, 5 năm sau thu hoạch. Lúa thu thì tháng 4 gieo giống, tháng 10 thu hoạch. Ruộng gần núi thường bị thú rừng ăn phá; ruộng gần biển phần lớn bị nước mặn tràn vào. Ruộng cấy được vụ hè thì mất vụ thu; ruộng làm được vụ thu thì mất vụ hè, mỗi khi gặp gió hè, lũ thu thì không thể thu hoạch được toàn vẹn. Một doi cát ở ven biển phần nhiều không cỏ cây gì mọc được, ngày đêm gió thổi, cao thấp biến đổi thất thường. Dân ở đây không có ruộng đất cày cấy, chỉ lấy việc đánh cá làm nghề nghiệp.

Núi sông:

Trong đạo hạt có nhiều núi sông. Về núi, kể loại có tên gọi: huyện Thạch Hà có núi Nam Giới, núi Bảo Đài, núi Nhật Lệ; huyện Cẩm Xuyên có núi Chủ Trương, núi Tượng Tị (Mũi Voi), núi Thiên Cầm (Đàn Trời); huyện Kỳ Anh có núi Hoả Hiệu, núi Mã Yên (Yên Ngựa), núi Cao Vọng, núi Bàn Độ, núi Hoành Sơn (núi Đèo Ngang).

Về sông thì có Ngạn Giang (sông Nghèn), Nghiêu Giang ở huyện Thạch Hà; Lạc Giang, Hộ Giang, tấp cửa Nhượng ở huyện Cẩm Xuyên; Trí Giang, Độ Giang và cửa tấp Độ Khẩu ở huyện Kỳ Anh. Ngoài ra có Trường Bát ở huyện Thạch Hà; Trường Mây ở huyện Cẩm Xuyên; khe Kiện Khê (khe Cạn), núi Từ Lĩnh ở huyện Kỳ Anh, đều là những nơi địa thế quanh co, núi khe hiểm trở. Đó là những nơi hiểm yếu trong đạo hạt (xin xem kỹ ở phần ghi về ba huyện).

Danh thắng:

Huyện Thạch Hà có: chùa Cẩm Sơn, am Chử Đồng Tử và suối Hiều Hiều (khe Hiu) ở núi Nam Giới.

Huyện Kỳ Anh có: Việt Tĩnh cương (gò Giếng Việt).

Đó là những nơi từ xưa được coi là những danh thắng, nhưng trải qua nhiều lần binh hoả, nay đã điêu tàn.

Đường đi:

Một đường dịch lộ phía nam giáp cửa Hoàn Sơn ở Quảng Bình, qua 5 trạm Tĩnh Thân, Tĩnh Sa, Tĩnh Lạc, Tĩnh Khê, Tĩnh Đan đến phía bắc giáp địa giới tỉnh Nghệ An, dài 171 dặm, rộng 1 trượng (các đường nhỏ, xem kỹ ở phân ghi về ba huyện).

HUYỆN THẠCH HÀ

Thành huyện cũ ở địa phận xã Đại Nại¹ tổng Thượng Nhị, nay là thành đạo.

Huyện từ trước vẫn có 7 tổng, gồm 65 xã, thôn, trang, vạn.

Huyện hạt² phía đông ven theo biển lớn. Phía tây liền với núi lớn (phía tây núi là địa phận huyện Hương Khê, tỉnh Nghệ An; phía tây bắc núi là địa phận huyện Can Lộc tỉnh Nghệ An). Phía nam giáp các xã Vĩnh Lại, Quyết Nhược huyện Cẩm Xuyên. Phía bắc giáp huyện Can Lộc, phủ Đức Thọ, tỉnh Nghệ An, lấy Ngạn Giang (sông Nghèn) làm địa giới.

Đông tây cách nhau 68 dặm. Nam bắc cách nhau 37 dặm 124 trượng.

Các tổng³:

Tổng Thượng Nhất: 7 xã, thôn, vạn.

Tổng Thượng Nhị: 10 xã, thôn.

Tổng Hạ Nhất: 14 xã, thôn, trang.

Tổng Hạ Nhị: 7 xã, thôn, trang.

Tổng Trung: 9 xã, vạn.

Tổng Đông: 12 xã, thôn.

Tổng Đoài: 6 xã, thôn.

Lính tuyển: 1.153 người.

Nhân số các hạng: 8.645 người. Trong đó:

-Chức sắc: 250 người.

-Miễn sai dịch: 211 người.

-Lính giản: 1.153 người.

-Chánh nạp: 14.637 người.

Đất công, tư: 4.920 mẫu có lẽ.

Ruộng công, tư: 12.950 mẫu có lẽ.

Ruộng muối: 6 mẫu 5 sào.

Thuế nộp bằng tiền:

-Lệ cũ 12.462 quan có lẽ.

-Lệ mới: 14.221 quan có lẽ.

Thuế nộp bằng thóc:

-Lệ cũ: 8.912 học.

¹ Xã Đại Nại, tiếng địa phương quen gọi là xã Đại Nài.

² Huyện Thạch Hà 石河縣: Tiền Lê là châu Thạch Hà. Đời Lý đổi làm huyện Thạch Hà; đời Trần đổi là châu Nhật Nam. Thời thuộc Minh là hai huyện Bàn Thạch 磐石 (PĐĐC chép là Trại Thạch 砦石) và Hà Hoàng 河黃 thuộc châu Nam Tĩnh phủ Nghệ An. Năm Quang Thuận 10 (1469) lấy lại tên cũ là huyện Thạch Hà thuộc phủ Hà Hoa (từ 1841 phủ Hà Hoa đổi là phủ Hà Thanh). Các triều sau đều theo thế. Nay là huyện Thạch Hà và các xã phía nam huyện Can Lộc (nam sông Nghèn) tỉnh Hà Tĩnh.

³ Bản sao ĐKDD đạo Hà Tĩnh, ở phân ghi về các huyện chỉ có danh sách các tổng, không có danh sách cấp xã thôn.

-Lệ mới: 10.669 học.

Thuế muối: 487 thăng.

Phong tục:

Phong tục ba huyện đại để cần kiệm, chuộng nghĩa khí. Cưới vợ thì có: lễ vấn danh: đưa lễ một đôi khuyên bạc và một chiếc yếm; lễ đón dâu thì tiền đồng 20-30 quan, hoặc đến 100 quan; lợn hoặc trâu bò 1 con. Việc tang, nhà giàu theo lễ; nhà nghèo thì có khi chỉ làm qua loa, tùy theo hoàn cảnh. Hàng năm chiều tối 30 tháng chạp quét dọn nhà cửa, bày đồ thờ, trồng cây nêu ngoài sân, dâng rượu và mâm cỗ cúng đón tổ tiên về ăn Tết. Ba ngày đầu năm mới trí tế, đi lại chúc mừng nhau. Ngày Đuan dương (tức Đuan ngo) tế tổ. Giờ Ngọ đi hái lá cây cỏ, tùy năm¹ mà buộc thành từng bó như hình con thú, treo trong nhà², sau dùng lá ấy để chữa bệnh. Tháng 2 và tháng 8 hàng năm, các thôn áp làm bánh miến hoặc gà, rượu ra đền tế thần, gọi là lễ Kỳ cốc (câu đợc mùa). Ngày tháng 6 sấm xôi gà, rượu, quả để cúng thần, gọi là lễ Kỳ phúc (câu phúc). Trong huyện rải rác cũng có những nơi theo đạo [Thiên chúa]. Toàn tông: chỉ 2 xã, vạn; gian tông: 14 xã, thôn, vạn.

Sản vật:

Núi Bảo Đài có tiên mao thảo, có thể làm vị thuốc. Hàng năm khoảng tháng 7, tháng 8, sau khi mưa rào ở ruộng nước thường có sâu nhỏ tên chữ Hán là "qué đố", tục gọi *cà cuống*, màu đỏ nhạt, vị thơm cay, có thể nướng ăn, cũng có thể muối ăn dân, nhưng đi tìm bắt thì cũng không được mấy. Lại có loài khác, cũng sống ở ruộng nước, hơi giống cà cuống nhưng nhỏ hơn, tục gọi là con *niềng niềng*, dân nghèo chao về đem bán ở chợ; sắc nó đen, nhưng vị thơm, có thể nướng ăn. Dân hai xã Đan Chế, Cổ Kênh cũng có nhà trồng mía; hàng năm tháng giêng, hai thì trồng hom mía, tháng 12 chặt về ép nước nấu thành mật he đem bán để kiếm sống.

Khí hậu: (đã trình bày ở phần chung toàn đạo hạt).

Núi sông:

-Núi Nam Giới: thuộc vùng bờ biển 2 xã Đạm Thủy và Dương Luật. Phía nam giáp Mộc Sơn (núi nhỏ ở xã Kiều Mộc), phía bắc liền với tấn cửa Sốt, phía đông giáp bãi cát biển lớn, phía tây thoải thấp xuống ruộng bằng. Chu vi núi khoảng mấy mươi dặm. Tục truyền thời Hùng Lạc xưa Chử Đồng Tử lấy con gái vua, dựng am để ở tu đạo trên núi này, người ta gọi là am Chử Đồng Tử. Lại có di tích 2 nền nhà, gọi là Quỳnh Vi, nhưng vì thời gian lâu xa đã hoang phế, không rõ ở chỗ nào. Phía tây núi có thác nước, chảy vào Hoàng Giang (tức sông Nghiêu chảy qua xã Hoàng Hà), gọi là suối Hiêu Hiêu (khe Hiu), nước có vị ngọt, dân sở tại có người lấy nước ở khe này chở đi bán, người ta cho là quý. Khi có đám mây che trên núi thì sau đó thường có mưa ngay, người ta thường gọi là núi đội mũ (hoặc mây đội mũ). Nơi đây khi xưa là địa giới phía nam tiếp giáp với Chiêm Thành cho nên có tên gọi như thế.

-Núi Bảo Đài: ở sơn phận xã Vĩnh Lưu tổng Trung. Núi non trùng điệp, nhìn xa như lâu đài, nhưng trên dưới chỉ là một dải cát trắng, phía bắc đến giáp khe Thiên Thai (thuộc địa phận xã Vĩnh Lưu). Hồi xưa, khi quân Nam quân Bắc đánh nhau, Ninh Quận công³ đóng quân ở đây, tục gọi là Ninh Công sa (Bãi cát Ông Ninh).

-Núi Nhật Lệ: ở sơn phận hai xã Ngụy Dương, Hoàng Cầm tổng Thượng Nhất, đỉnh núi cao vọt lên, cây cối xanh tốt, là núi cao nhất trong các núi ở vùng này.

¹ Ngv. Tuỳ niên, tức như năm Dần thì tết hình con hổ v.v...

² Tục hái lá buộc hình con vật biểu tượng năm là tục đã có từ lâu đời: "Đuan ngo nhập ngày lấy về buộc treo" (CNNÁ, *Nam dưc*).

³ *Ninh Quận công*, tức Trịnh Tuyên, con thứ 15 của chúa Trịnh Tráng, thống lĩnh 4 vạn quân vào đóng ở nam Nghệ An để ngăn chặn quân Nguyễn. Vùng núi phía bắc Đèo Ngang và nhiều nơi ở Kỳ Anh, Cẩm Xuyên v.v... có một số đồn lũy thường gọi là lũy Ninh Công, tức là đồn lũy của quân Trịnh trong chiến dịch này.

-Núi Mai Sơn: ở sơn phận xã Dục Vật, phía dưới tổng Đoài. Tục truyền khi nào cây cối ở núi này tốt tươi thì sở tại được dân Khang vật thịnh.

-Núi Ngạn Sơn (*núi Nghèn*): ở xã Trảo Nha, mấy ngọn đột khởi giữa đất bằng, phía bắc gối lên sông Nghèn, trên sông có đường quan lộ đi qua bến đò Nghèn, đầu bến có chợ [gọi là chợ *Nghèn*].

-Núi Long Tương: ở xã Bàn Thạch, đỉnh núi cao vọt, có hòn đá lớn mọc, dân cư các thôn xen nhau ở bên ven núi. Phía đông nam núi có tảng đá lớn mọc dựng, bốn phía có đá nhỏ vây quanh, người địa phương gọi là Phật xuất, dựng chùa thờ.

-Núi Đội Sơn: ở xã Đan Chế tổng Trung; giữa vùng đất bằng đột khởi ba ngọn, vượt ngang qua sông Nghèn, giữa sông có tảng đá nổi vượt lên như đội.

-Núi Thành Sơn: ở xã Đôn Điền, dưới tổng Thượng Nhị, từ núi Nhật Lệ chạy đến, đột khởi hai ngọn. Xưa, khi quân Nam Bắc đánh nhau, thường đóng quân ở đây, dấu tích đồn lũy vẫn còn.

-Núi Cẩm Sơn: ở xã Đại Nại, phía đông bắc cách đạo thành khoảng hơn 90 trượng, hình núi như hổ nằm, không có cây cao đá lớn. Vì núi ở xã Đại Nại cho nên còn có tên là Nại Sơn. Trên núi có chùa, tương truyền do Hoan Quận công đời Lê xây dựng. Năm đầu đời Tự Đức (1848), quan hưu trí Nguyễn [Công] Trứ nguyên Phủ doãn Thừa Thiên trùng tu, đến nay vẫn còn. Trèo lên núi nhìn xuống, thấy rõ môn một nhà cửa bên trong đạo thành. Dòng sông Nghiêu Giang bao quanh phía đông nam, các núi Hà Thanh, Nhược Thạch châu hai phía tả hữu, cũng có thể kể là một chốn danh thắng nhỏ trong đạo hạt.

-Núi Trản Sơn: ở xã Đức Lâm.

-Núi Nghĩa Sơn: ở xã Đức Lâm.

-Núi Thiên Đài: ở xã Vinh Lưu, tổng Trung.

-Núi Hà Thanh: ở xã Hoàng Hà, tổng Hạ Nhất.

-Ngạn Giang (sông Nghèn): là sông nhánh của sông Quả Phẩm (tức sông Lam¹) ở Nghệ An, chảy qua xã Minh Lương, Thủy Vạn [thuộc huyện Đức Thọ], chảy qua xã Trảo Nha tổng Đoài, thuộc bản đạo, gọi là sông Nghèn; chảy về phía đông nam đến các xã Cổ Kênh, Châu Lâm, hợp lưu với Kỳ Giang (sông Cày), Da Giang (sông Đà), Nghiêu Giang, chuyển về phía đông vào tán cửa Sót rồi đổ ra biển. Sông chảy ngang qua quan lộ, có bến đò gọi là đò Nghèn, nước sâu hơn 10 thước.

-Da Giang (sông Đà): chảy từ các khe suối ở Trường Bạt thuộc tổng Đông, Mai Sơn, tổng Đoài, đến thôn Thượng Lỗi, hợp thành Da Giang. Qua các xã Hạ Lỗi đến Cổ Kênh, đổ vào sông Nghèn. Sông chảy ngang qua quan lộ, có bến đò gọi là đò Đà, nước sâu hơn 10 thước.

-Kỳ Giang (sông Cày): từ các khe suối ở núi Bảo Đài chảy xuống, đến các xã Đông Lỗ, Ngọc Điền, tổng Thượng Nhất, hợp thành sông Kỳ Giang, chảy về phía đông bắc, đến xã Châu Lâm đổ vào sông Nghèn. Sông chảy ngang qua quan lộ, có bến đò gọi là đò Cày, nước sâu hơn khoảng 6-7 thước.

-Nghiêu Giang: từ khe suối ở các núi thuộc xã Mỹ Duệ tổng Mỹ Duệ huyện Cẩm Xuyên chảy xuống, đến xã Hương Càn chia làm hai nhánh. Một nhánh chảy về phía đông nam làm thành sông Lạc Giang ở huyện Cẩm Xuyên. Một nhánh từ các xã Đại Tăng, Đức Lâm, Vĩnh Lại chảy vòng về phía nam đạo thành, làm thành sông Nghiêu Giang. Nghiêu Giang chảy ra phía đông bắc, đến thôn Đình Hoè thì hợp dòng với sông Nghèn. Vì Nghiêu Giang chảy qua xã Đại Nại, nên còn có tên là Nại Giang. Sông chảy ngang qua quan lộ, có bến đò gọi là đò Nại, nước sâu hơn khoảng 4-5 thước.

Đường đi:

-Đường dịch lộ: phía bắc giáp địa phận tỉnh Nghệ An, từ bến đò Nghèn đi qua xã Trảo Nha, thôn Hạ Lợi, bến đò Đà, quán Lều Cầu, xã Cổ Kênh, quán Ba Giang xã Phù Việt, xã Đan Chế, trạm Tĩnh

¹ Sông Quả Phẩm tức sông Lam ở đoạn chảy qua xã Quả Phẩm huyện Nghi Xuân đương thời thuộc Nghệ An.

Đan, xã Ngọc Lũy, chợ Cày, xã Ngọc Điền, bến đò Cày, xã Đại Tiết, quán Đậu Đen, xã Trung Tiết, đến thành đạo, xã Đại Nại, bến đò Nài, đến xã Phát Nãi, dài 37 dặm 129 trượng, rộng 1 trượng.

-Một đường nhỏ từ đường dịch lộ ở xã Đại Nại đi về phía tây, qua các xã Đức Lâm, Đôn Điền, đến Trường Máy, dài 12 dặm, rộng 2 thước. Lại đi đường núi khoảng nửa ngày đến khu dân cư xã Phúc Trạch huyện Hương Khê tỉnh Nghệ An.

-Một đường nhỏ từ đường dịch lộ ở xã Ngọc Điền đi về phía tây, qua các xã Tiên Lương, Bạng Châu, Y Trụ đến Trường Bát, dài 15 dặm, rộng 2 thước. Lại đi đường núi khoảng một ngày đến huyện lỵ Hương Khê.

-Một đường nhỏ từ đường dịch lộ ở bến đò Nghèn đi về phía tây, qua các xã Bàn Thạch, Đò Hành, Phương Mỹ, Mỹ Đại. Lại một đường nhỏ từ đường dịch lộ ở xã Trung Tiết đi về phía tây, qua các xã Đông Lỗ, Vĩnh Lưu, đều có thể đi thông đến Trường Bát, dài 12 dặm, rộng 2 thước.

-Một đường nhỏ từ phía đông bắc thành đạo đi xuống, qua bến đò Đồng Môn đến bờ biển sát núi Nam Giới, dài 20 dặm, rộng 2 thước.

-Một đường nhỏ từ phía đông nam thành đạo đi qua bến đò Nài, qua chợ Đình đến bờ biển, dài 25 dặm, rộng 2 thước.

HUYỆN CẨM XUYỀN

Lỵ sở cũ ở địa phận xã Vân Phong, tổng Vân Tản. Năm Tự Đức thứ 4 (1851), hợp với huyện Kỳ Anh thành một huyện (do đạo kiêm lý).

Huyện có 4 tổng, gồm 91 xã, thôn, trang, phường, vạn.

Huyện hạt¹ phía đông giáp biển, phía tây ven theo núi, phía nam giáp các xã Thuần Tượng, Xuân Cẩm huyện Kỳ Anh, lấy sông Lạc Giang và núi Ngọc Sơn làm địa giới; phía bắc giáp các xã Đức Lâm, Phát Nãi, Bích Hội huyện Thạch Hà.

Đông tây cách nhau 68 dặm rưỡi. Nam bắc cách nhau 43 dặm 45 trượng.

Các tổng:

Tổng Mỹ Duệ : 24 xã, thôn.

Tổng Vân Tản: 39 xã, thôn, trang, phường.

Tổng Lạc Xuyên: 14 xã, thôn, vạn.

Tổng Thổ Ngôã: 14 xã, thôn.

Giản binh: 505 người.

Nhân số các hạng: 4.274 người người. Trong đó:

-Chức sắc: 105 người.

-Miễn sai dịch: 205 người.

-Lính tuyển: 505 người.

-Chánh nạp: 3.459 người.

Đất công, tư: 1.381 mẫu có lẽ.

Ruộng công, tư: 11.537 mẫu có lẽ.

¹ Huyện Cẩm Xuyên: Năm Minh Mệnh thứ 18 (1837) tách 4 tổng: Hoa Duệ (sau đổi là Mỹ Duệ), Lạc Xuyên, Thổ Ngôã, Vân Tản trước thuộc huyện Kỳ Hoa (sau đổi là Kỳ Anh, lập thành huyện Hoa Xuyên 華川縣 Thiệu Trị 1 (1841) kiêng chữ Hoa đổi là huyện Cẩm Xuyên 錦川縣; đời Tự Đức có 4 tổng, 88 xã, thôn, trang, phường; đời Đồng Khánh: 4 tổng, 91 xã, thôn, trang, phường, vạn. Nay là huyện Cẩm Xuyên tỉnh Hà Tĩnh.

Ruộng muối: 39 mẫu có lẽ.

Thuế nộp bằng tiền:

-Lệ cũ: 6. 610 quan có lẽ.

-Lệ mới: 8.176 quan có lẽ.

Thuế thóc

-Lệ cũ: 7.550 hộc có lẽ.

-Lệ mới: 9.412 hộc có lẽ.

Thuế muối: 2.930 thăng có lẽ.

Phong tục:

Tục lệ cưới xin ma chay ở huyện hạt đại để giống như ở hai huyện Thạch Hà, Kỳ Anh. Duy có xã Quyết Nhượng có nghề thợ mộc, nay có ngạch thợ¹. Một hai thôn có nhà làm tơ², nón, nhưng cũng còn thô vụng, chỉ thường dùng trong dân gian mà thôi. Ngoài ra không có nghề gì khác. Theo đạo Thiên chúa toàn tông có 2 vạn [chài], gián tông: chỉ 5 xã, thôn.

Sản vật:

Sản vật huyện hạt đại để giống hai huyện Thạch Hà, Kỳ Anh. Duy ở cửa Nhượng có cá mực và có nghề làm muối trắng.

Khí hậu:

Đại để cũng giống với hai huyện Thạch Hà, Kỳ Anh.

Núi sông:

-Núi Chủ Trương: ở sơn phận xã Mỹ Duệ tổng Mỹ Duệ. Chông tầng núi dựng, cao vượt các núi. Dưới núi có ngọn Kê Quan (Mào Gà), có dấu chân người khổng lồ, tục gọi là Tiên Tích (Dấu Chân Tiên).

-Núi Tượng Tị (Vòi Voi): ở hải phận xã Hoá Dục, tổng Lạc Xuyên. Phía tây nam gối vào núi Kỳ Đầu, phía bắc trông xuống sông Lạc Giang liền với tán cửa Nhượng, phía đông giáp bãi cát trên bờ biển lớn. Một giải núi gò nhấp nhô vượt cao trên mặt biển, xa trông như vòi voi.

-Núi Thiên Cầm (Đàn Trời): ở bờ biển xã Kỳ La tổng Vân Tản, về bên trái tán cửa Nhượng, phía đông liền với biển lớn, phía nam nhìn sang núi Tượng Sơn³. Phía đông núi có vòm thông vào bụng núi. Tục truyền khi xưa Hùng Vương đi tuần du phương nam, khi đến đây nghe tiếng sáo trời, cho nên đặt tên là Thiên Cầm (Đàn Trời). Về sau, Hồ Quý Ly thua trận chạy đến đây, bị quân Minh bắt, nên lại gọi là núi Thiên Cầm⁴ (Trời Bất).

-Núi Phụng Hoàng: ở xã Phụng Hoàng, tổng Thổ Ngoã.

-Núi Hoắc Sơn: ở thôn Khả Luật tổng Thổ Ngoã.

-Núi Yên Mã (Yên Ngựa) ở thôn Thượng Lộc tổng Thổ Ngoã.

-Núi Thành: ở xã Đại Tăng, tổng Mỹ Duệ. Khi xưa quân Nam, Bắc đánh nhau thường đóng quân ở đây, dấu vết lũy vẫn còn.

-Núi Hội Sơn: ở thôn Xá Hộ, tổng Vân Tản.

-Núi Mỹ Sơn: ở thôn Mỹ Lộc tổng Vân Tản.

¹ Ngạch thợ, ngv: tượng ngạch, nghĩa là làng nghề thợ mộc có danh sách đăng ký tại phủ huyện.

² Tơ (chữ Nôm): áo che mưa chằm (kết) bằng lá cọ.

³ Tượng Sơn, tức Tượng Tị (Vòi Voi) đã nói ở trên.

⁴ Hai chữ *cầm* 琴 (đàn) và *cầm* 吟 (bất) là 2 chữ đồng âm khác nghĩa.

-Núi Nhượng Thạch: ở xã Nhượng Thạch tổng Vân Tản, ở tảng đá lớn trên núi có vết chân người khổng lồ.

-Núi Thọ Sơn: ở thôn Phượng Liên tổng Vân Tản.

-Đảo Sơn (núi Đảo): ở ngoài biển cửa Nhượng, núi hình vòm khung, có lỗ thông ra ngoài, rộng có thể vào lọt cả chiếc thuyền.

-Sông Lạc: từ sơn phận xã Lại Lộc tổng Thổ Ngôã chảy qua các xã Thượng Thọ, Đông Anh, đến Lạc Hạ làm thành sông Lạc. Phía đông bắc chảy đến xã Hoá Dục, hợp lưu với sông Hộ, rồi đổ ra biển ở tán cửa Nhượng. Sông chảy qua đường quan lộ, có bến đò ngang gọi là bến đò Lạc, nước sâu khoảng 4-5 thước.

-Sông Hộ: từ các khe suối thuộc sơn phận xã Mỹ Duệ tổng Mỹ Duệ chảy xuống đến xã Hương Cầm chia làm hai nhánh. Một nhánh chảy về phía đông bắc làm thành sông Nghiêu Giang ở huyện Thạch Hà. Một nhánh chảy về phía đông nam, qua Như Hà, Thủy Triều, qua thôn Khả Luật làm thành sông Hộ, chảy về phía đông đến xã Hoá Dục hợp lưu với sông Lạc. Sông chảy qua đường quan lộ, có bến đò ngang gọi là bến đò Hộ, nước sâu khoảng 4-5 thước.

-Sông Lễ: từ các khe suối ở núi Yên Mã tổng Thổ Ngôã chảy qua Tuy Lộc, chợ Am, Thuận Lễ, đến thôn Quyên Đông đổ vào sông Lạc. Sông chảy qua đường quan lộ, có cầu gọi là cầu Quyên, nước sâu khoảng 4-5 thước.

-Tán cửa Nhượng: ở xã Nhượng Bạng; triều lên, sâu 9 thước, rộng 13 trượng; triều xuống, sâu 3 thước 5 tấc, rộng 9 trượng 5 thước.

Đường đi:

-Đường dịch lộ phía bắc giáp xã Phát Nãi huyện Thạch Hà, qua xã Vĩnh Lại, Quán Khố, Hương Duệ, Ưu Trường, Quán Na, chợ trạm Tĩnh Khê, xã Vân Phong, bến đò Hộ, quán Hộ, xã Khả Luật, cầu Nặc xã Xá Nặc¹, Lai Trung, chợ Am, quán Phượng Hoàng, các thôn Quyên Đông, Thuận Lễ, Lạc Hạ, quán Mới đến bến đò Lạc, núi Ngọc Thạch, dài 43 dặm 45 trượng, rộng 1 trượng.

-Một đường nhỏ từ đường dịch lộ từ thôn Thuận Lễ đi về phía tây, qua núi Phượng Hoàng, thông đến sơn phận, dài 10 dặm, rộng 2 thước.

-Một đường nhỏ từ đường dịch lộ ở chợ Hội đi về phía tây, qua các thôn Phú Vinh, Triều Thượng, Quy Vinh, đi lên phía bắc đến thôn Bộc Nguyên, đến Trường Mây, dài 12 dặm, rộng 1 thước 5 tấc.

-Một đường nhỏ từ trạm Tĩnh Khê đi về phía đông, qua các thôn xã Trường Ngoại, Đông Cao, Hậu Côn, Kỳ La, đến tán cửa Nhượng, dài 15 dặm, rộng 2 thước 5 tấc.

HUYỆN KỲ ANH

Thành huyện ở địa phận xã Nhân Canh tổng Hà Trung. Thành xây gạch, bốn góc, ba cửa, chu vi 258 trượng 2 thước 5 tấc. Thân thành cao 7 thước 3 tấc. Hào rộng 2 trượng 2 thước; sâu 2 thước.

Lúc trước huyện này gồm cả phần đất huyện Cẩm Xuyên hiện nay, tất cả có 8 tổng; nay chỉ còn 4 tổng, gồm 91 xã, thôn, trang, phường, vạn.

¹ Xã Xá Nặc: tên xã này từ đầu đời Tự Đức về trước là xã Kim Nặc 金諾, (đổi là Xá Nặc có lẽ vào năm 1862, kiêng húy chữ Kim) sau lại gọi là Kim Nặc.

Huyện hạt¹ phía đông giáp biển, phía tây ven theo núi, phía nam giáp huyện Bình Chánh phủ Quảng Trạch tỉnh Quảng Bình, lấy nửa đỉnh Hoàn Sơn làm địa giới, phía bắc giáp các xã thôn Văn Thai, Đan Xuyên, Hoá Dục, huyện Cẩm Xuyên, lấy núi Ngọc Sơn và sông Lạc Giang làm địa giới.

Đông tây cách nhau 103 dặm. Nam bắc cách nhau 90 dặm 41 trượng.

Các tổng:

Tổng Hà Trung: 22 xã, thôn.

Tổng Hoàng Lê : 28 xã, thôn, trang, vạ.

Tổng Đỗ Chủ: 19 xã, thôn, trang, vạ.

Tổng Cấp Dẫn: 22 xã, thôn, trang.

Lấy lính: 586 người.

Nhân số các hạng: 5.161 người, trong đó:

-Chức sắc: 83 người.

-Miễn sai dịch: 345 người.

-Lính giản: 586 người.

-Chánh nạp: 4.140 người.

Đất công, tư: 1.284 mẫu có lẻ.

Ruộng công, tư: 7.897 mẫu có lẻ.

Ruộng muối: 3 mẫu 8 sào.

Thuế nộp bằng tiền:

-Lệ cũ: 6.691 quan.

-Lệ mới: 7.784 quan.

Thuế nộp bằng thóc:

-Lệ cũ: 5.531 hộ có lẻ.

-Lệ mới: 6.446 hộ có lẻ.

Thuế muối: 258 thăng.

Phong tục:

Phong tục huyện hạt cũng hơi giống hai huyện Cẩm Xuyên, Thạch Hà, vài nơi có dân theo đạo Thiên chúa. Toàn tổng chỉ có 5 thôn, trang, phường; gián tổng chỉ 1 trang.

Sản vật:

Sản vật trong huyện cũng giống hai huyện Cẩm Xuyên, Thạch Hà. Duy các thôn Lạc Sơn, Xuân Sơn, Vọng Liễu thuộc vùng núi, nhiều nhà có nghề nuôi trâu, bò, số lượng nuôi được nhiều hơn các nơi khác. Ở núi Ô Tôn giáp biển có ốc cừ khổng, có các loài 7 lỗ hoặc 9 lỗ, dân sở tại bắt về phơi khô làm thực phẩm, nhưng cũng không bắt được nhiều. Ở cửa tán có nghề làm muối trắng, nhưng cũng không nhiều.

Khí hậu:

Giống với hai huyện Cẩm Xuyên, Thạch Hà.

¹ Huyện Kỳ Anh 奇英縣: Đời Trần là huyện Hà Hoa, thời thuộc Minh là hai huyện Hà Hoa 河華 và Kỳ La 奇羅 thuộc châu Nam Tĩnh. Đời Lê Thánh Tông năm Quang Thuận 10 (1469) đặt làm huyện Kỳ Hoa 奇華縣 thuộc phủ Hà Hoa. Năm Minh Mệnh 18 (1837) cắt 4 tổng Hoa Duệ (sau đổi là Mỹ Duệ), Lạc Xuyên, Thổ Ngôã, Văn Tản để lập huyện Hoa Xuyên 華川 (sau đổi là Cẩm Xuyên). Năm đầu niên hiệu Thiệu Trị (1841) kiêng húy chữ Hoa (tên húy Hoàng thái hậu mẹ vua Thiệu Trị), đổi làm huyện Kỳ Anh 奇英縣. Nay là huyện Kỳ Anh tỉnh Hà Tĩnh.

Núi sông:

-Núi Hoành Sơn: ở địa phận các thôn Xuân Sơn, Ngưu Sơn tổng Hoàng Lễ. Một dãy từ phía tây kéo ngang ra đến biển, làm thành chỗ xung yếu chắn ngang hai miền Nam Bắc. Thời Nam Bắc phân tranh, trên đỉnh núi có lũy của Ninh Quận công, di tích cũ vẫn còn. Nay có cửa ải đóng quân trấn thủ.

-Núi Mã Yên: ở địa phận thôn Duy Suối, tổng Hà Trung. Núi này ở về phía đông các núi ở thôn Vọng Liễu; phía bắc núi Hoả Hiệu. Hình núi phía đông nam thấp bằng, phía tây bắc cao dốc, nhìn xa giống cái yên ngựa. Phía đông núi có trấn thành cũ Nghệ An¹, di tích vẫn còn.

-Núi Hoả Hiệu: Một ngọn ở địa phận thôn Duy Suối tổng Hà Trung, phía đông bắc núi Từ Lĩnh, phía nam núi Mã Yên. Một ngọn ở địa phận thôn Đại Hào, phía tây đường dịch lộ. Tục truyền, xưa Nam Bắc giao tranh, thường đốt lửa làm hiệu ở hai núi này.

-Núi Cao Vọng: ở hải phận các thôn trang Hoà Luật, Vĩnh Trung, Vạn Áng thuộc tổng Hoàng Lễ. Các ngọn núi trùng điệp, hai đầu nam bắc giáp biển, khe Thân Đầu chảy vòng phía tây, phía đông là vũng biển, có tên là vũng Yên Úc. Trên doi cát dưới núi là khu dân cư thôn Vĩnh Trung và trang Vạn Áng. Người ở ngoài muốn đi vào hai thôn trang này tất phải đi theo đường qua núi này. Dân ở đây thường sợ cướp biển, nay vẫn có đồn binh đóng giữ. Tương truyền xưa Hồ Hán Thương từng đóng quân ở đây, sau bị quân Minh bắt. Ngọn núi phía đông nam tục gọi là núi Ô Tôn, ở các hốc đá trong khe dưới chân núi có ốc cửa khổng (bào ngư).

-Núi Bàn Độ: ở hải phận hai thôn trang Phú Duyệt, Yên Diềm tổng Đỗ Chủ, nằm phía tả cửa tán, phía bắc núi Cao Vọng, phía đông tiếp liền với biển lớn. Tương truyền xưa, vua Trần Duệ Tông đi đánh Chiêm Thành, thuyền quân đóng ở đây, đêm mộng có người tự xưng là Đô đốc Nam Minh (Đô đốc ở biển Nam) xin vua tặng một người đàn bà, vua bèn chọn Bích Châu phu nhân để lên mâm bằng vàng tặng cho thủy thần. Về sau vua Lê Thánh Tông sắc phong Bích Châu phu nhân là Chế Thắng phu nhân. Đến nay còn đền ở cửa tán, rất linh thiêng. Trên núi có đầm nước, tương truyền xưa có tiên nữ thường từ trong đầm ra dạo chơi trên vách đá.

-Núi Ngọc Thạch: ở địa phận xã Thuận Tượng tổng Cấp Dẫn. Núi nằm ở phía đông đường dịch lộ, các ngọn liền nhau dựng đứng, phía tây bắc nhìn xuống sông Lạc, phía đông giáp núi Kỳ Đầu. Trên núi có tảng đá lớn dựng đứng, trông như hình con voi, tục gọi là Tượng Sơn.

-Núi Kỳ Đầu: ở địa phận thôn Như Cương, tổng Cấp Dẫn. Phía tây liền núi Ngọc Thạch, phía đông bắc tiếp giáp núi Tượng Tị, sông Lạc chảy vòng phía bắc. Núi này là núi cao nhất so với các núi Ngọc Thạch, Tượng Tị v.v...

-Núi Từ Lĩnh: ở địa phận thôn Xuân Sơn, tổng Hà Trung. Núi nằm phía đông bắc núi Hùng Sơn tỉnh Quảng Bình, phía nam liền tiếp với Hoành Sơn, phía bắc tiếp với các núi ở thôn Xuân Sơn, phía tây liền với động Cương, phía đông xuôi xuống đồng bằng. Núi này các ngọn trùng điệp, đường dịch lộ cũ từ cửa Hùng Sơn tỉnh Quảng Bình đi qua eo núi này thông đến xã Hà Trung huyện Kỳ Anh. Dịch lộ dài 35 dặm, rộng 5 thước. Trên sườn núi có lũy cũ của Ninh Quận công, liền với Hoành Sơn, di tích vẫn còn.

-Việt Tỉnh cương (gò Giếng Việt): ở địa phận xã Phú Nghĩa tổng Hoàng Lễ, phía đông nam thành huyện. Một giải đôi gò bằng phẳng, một bên là vách đá, có suối nước lạnh từ trong vách đá chảy ra, người địa phương đục gỗ làm máng hứng, nước rất ngon ngọt. Tục truyền xưa, có quan Đốc Khổn cấm dân lấy nước suối này, nên suối bỗng tắc lại, sau có vị Tiên bảo phải giết bò tế thần, bỏ lệnh cấm khi trước, suối lại chảy như cũ.

¹ Trấn thành Nghệ An: năm 1627 Trịnh Tráng sai Nguyễn Khải và Nguyễn Danh Thế đem quân vào đóng đại bản doanh ở xã Hà Trung huyện Kỳ Hoa, từ đó đặt trấn doanh Nghệ An ở xã này, thường gọi là Dinh Hà Trung hoặc Dinh Cầu. Sau trận Dinh Cầu thất thủ 9-1655, quân Lê-Trịnh lại lui về đóng trấn doanh ở Yên Trường (Vinh).

-Đảo Sơn Dương: ở ngoài biển thuộc hai thôn Phác Môn, Dụ Yên tổng Hoàng Lễ. Núi hình vòm khung, trong có lỗ thông ra ngoài. Tương truyền xưa trong đảo có tổ yến (yến sào), sau bị sét đánh vỡ đá làm dột nước nên yến không đến làm tổ nữa.

-Núi Càn Sơn: ở xã Vĩnh Ái tổng Hà Trung.

-Núi Lạc Sơn: ở thôn Lạc Sơn tổng Hà Trung.

-Núi Thổ Sơn: ở thôn Hưng Nhân tổng Hà Trung.

-Núi Hương Sơn: ở thôn Hương Sơn tổng Hà Trung.

-Núi Hoàng Sơn: ở thôn Hoàng Giang tổng Cấp Dẫn.

-Núi Thổ Sơn: ở thôn Sơn Luật, tổng Đỗ Chử.

-Núi Dao Sơn: ở thôn Thân Đầu tổng Hoàng Lễ.

-Núi Ngưu Sơn: ở thôn Ngưu Sơn tổng Hoàng Lễ.

-Sông Trí Giang: nguồn nước từ núi Mã Yên chảy ra, qua các thôn Duy Suối, Nhân Lý tổng Hoàng Lễ, gọi là Trí Giang, phía đông bắc chảy đến thôn Dụ Thịnh, nhận nước từ các khe Đường Khê, Bàn Khê, Thân Đầu Khê, rồi chảy ra biển ở cửa tán. Sông chảy qua đường quan lộ, có bến đò ngang gọi là bến đò Trí, nước sâu khoảng 3-4 thước; khi nước triều xuống có thể lội qua được.

-Cửa tán: thủy triều lên sâu 8 thước 5 tấc, rộng 19 trượng; triều xuống sâu 2 thước 5 tấc, rộng 11 trượng 1 thước.

Đường đi:

-Đường dịch lộ: phía bắc giáp bến Lạc huyện Cẩm Xuyên, qua trạm Tĩnh Lạc xã Thuận Tượng, qua cầu quán Lạc Yên Hạ, cầu quán Mạc Khê, quán miếu Hương Sơn, qua Dụ Thành, Già Khê, chợ Sơn Triều, cầu quán Miếu, cầu Thanh Sơn, chợ Quan, Biểu Duệ, Nhân Canh, trạm Tĩnh Sa, thành huyện, Trí Giang, Hưng Nhân, Song Miếu, cầu Đình, khe Bàn Thạch, khe Nước Mặn, chợ Dừa, núi Hoả Hiệu, trạm Tĩnh Thần, khe Thân Đầu, khe Luỹ, đèo Con, Ngưu Sơn, đến nửa đỉnh Hoàng Sơn, dài 90 dặm, 41 trượng, rộng 1 trượng.

-Một đường nhỏ từ phía tây nam dịch lộ ở chợ Quan xã Hà Trung đi qua Xuân Thủy, Duy Suối, khe Trí, núi Hoả Hiệu, qua núi Từ Lĩnh, khe Bùi, khe Lạp, đi xuống phía nam, thông đến cửa tán Hùng Sơn tỉnh Quảng Bình, dài 30 dặm, rộng 1 thước 5 tấc. Đường dịch lộ cũ đi qua đường này, nay chỉ còn đi chỉ nhà trạm. Lại một nhánh từ núi Từ Lĩnh đi về phía tây, qua Kịen Khê (khe Cạn), thông đến Cổ Hãn tỉnh Quảng Bình.

-Một đường nhỏ từ trạm Tĩnh Lạc đi về phía đông, qua Hữu Lạc, Xuân Cẩm đến chợ Hoá Dục, qua bến đò tán, đến tán cửa Nhượng, dài 15 dặm, rộng 1 thước 5 tấc.

-Một đường nhỏ từ đường dịch lộ ở thôn Sơn Triều đi về phía đông, qua bến đò Sơn Luật, các thôn trang Thuận Định, Yên Diêm ra đến biển, dài 15 dặm, rộng 1 thước 5 tấc.

-Một đường nhỏ từ huyện thành đi phía tây, qua núi Vọng Liễu đến thôn Vọng Liễu đi lên phía bắc, qua các thôn Tiêu Tương, Phương Động, Văn Thai, Như Hà, xuôi xuống phía đông qua các xã Mỹ Duệ, Hoàng Cản, thông đến thành đạo, dài 120 dặm, rộng khoảng 1-2 thước, không đều nhau.

-Một đường nhỏ từ thành huyện đi về phía đông, qua xã Hiệu Thuận, bến đò Trí, thôn Quyên Hành, bến đò Quyên, thôn Dụ Thành, khe Thân Đầu, qua núi Cao Vọng đến đôn Yên Úc. Lại có một nhánh từ xã Hiệu Thuận đi về phía đông bắc, qua thôn Đông Nại, bến đò Vĩnh Lộc, đến cửa tán, dài 30 dặm, rộng 2 thước.

河靜省莅臣等欽遵批示編繪圖本進呈奏冊

河靜道目錄

原本無有

河靜道

頁一

石河縣

頁五

錦川縣

頁十一

奇英縣

頁十五

同慶敕製御覽

河靜道轄

道城在石河縣上二總大柰社地分（原舊石河縣城）之東。城身砌土磚，周圍通長壹百拾貳丈捌尺，高壹丈。城身角肆，門叁，濠闊貳拾五尺，深貳尺貳寸。

道轄東夾大海，西夾大山（山之西即廣平省清浪册及又安省香山縣轄），南夾廣平省廣澤府平政縣，橫山半嶺為界，北接又安省德壽府干祿縣，以彥江為界。南北相距壹百柒拾壹里柒拾五丈，東西相距壹百叁里（奇英）或陸拾捌里（石河、錦川）。

10

兼理縣貳（石河、錦川），統轄縣壹（奇英）

領拾五總貳百肆拾柒社村庄坊溝

揀兵貳千貳肆拾肆人

各項人數壹萬捌千捌拾員人

內職色肆百叁拾捌人

內免差項柒百陸拾壹人

內揀兵貳千貳百肆拾肆人

內正納壹萬肆千陸百叁拾柒人

公私土柒千五百捌拾五畝零

公私田叁萬貳千叁百捌拾肆畝零

鹽田肆拾玖畝叁高零

稅錢（全年丁田土）原例貳萬五千柒百陸拾肆貫零；

2a

(新例叁萬壹百捌拾壹貫零)
 稅粟原例貳萬壹千玖百玖拾肆斛零；(新例貳萬陸千

五貳拾柒斛零)

稅鹽叁千柒百貳升零

風俗

道轄石河、錦川、奇英叁縣風俗大抵儉嗇，尚氣。士則勤於學業，農則勤於力作，多樸野，少工巧。近山者柴炭營生，居海者魚藝爲業。從道者少，從良者多。至如昏喪祭各禮俗尚相同。

物產

道轄物產大抵夏禾多，秋禾少。魚、鹽出於錦川、奇英之讓口貳汛；牛牢出於奇英縣之春山、望柳等村。仙茅草則出於寶臺山(屬石河)，九孔螺則出於烏蹲島(屬奇英山近海)。石河則有桂蠹水虫。間有壹、貳村栽植甘蔗。他如桐門之白布，爪牙之篔席間有織作，多屬褊狹粗拙，止適民間常用。至如芋諸常物處處有之。

氣候

道轄石河、錦川、奇英叁縣氣候大抵秋分至春分多寒，春季至秋孟多暑。秋冬之交常有雨潦。夏多南風。捌、玖月長有颶風盛發，俗呼爲暴風。海潮壹日壹至，但有辰刻不同。山多嵐瘴，田地磽瘠。夏禾則以遞年捌月8下旬而後播秧，拾壹月下稼，次

年五月收成；秋禾則以肆月耕稼，拾月收成。近山之田每爲山獸蹂食，近海之田多被鹹水浸滄。田之有夏者無秋，有秋者無夏。每遇夏風秋潦不能保其全收。沿海壹條沙阜，多不生毛，日夜風吹高低變遷無常。所居之民無有田地可耕，但以攻魚爲業。

山水

道轄多有山水。舉其有名者，如石河之南界、寶臺、日麗，錦川之主張、象鼻、天琴，奇英之火號、馬鞍、高望、盤渡、30橫山。水則石河之彥江、堯江；錦川之樂江、戶江、讓汛；奇英之智江、度江汛口。他如石河之申撥，錦川之申迷，奇英之健溪慈嶺均係地勢崎嶇，山溪險阻，此其扼要處也。(其詳編敘在叁縣下)。

名勝

道轄石河之感山寺，南界山之有楮童子庵、囂囂泉，奇英之越井崗古稱名勝，久經兵火現已彫荒。

路程

壹條驛路南夾廣平橫山關，經靜沙、靜樂、靜溪、靜丹等五站，北至乂安省界，長壹百柒拾壹里，橫壹丈。(小小條路詳編在該叁縣下)。

59

石河縣轄

原縣城在上貳總大柰社地分（茲現道城）。原領柒總陸拾五社村庄滿。東沿大海，西連大山（山之西即又安省香溪縣，西北即又安省干祿縣等轄），南接錦川縣永賴、厥若等社，北接又安省德壽府干祿縣轄，以彥山爲界。東西相距陸拾捌里，南北相距叁拾柒里壹百貳拾肆丈。

上壹總（柒社村滿）

下壹總（拾肆社村庄）

上貳總（拾社村）

中總（玖社滿）

下貳總（柒社村庄）

兌總（陸社村）

東總（拾貳社村）

揀兵壹千壹百五拾叁人
人數捌千陸百肆拾五人

內職色貳百五拾人

內免差項貳百拾壹人

內正納柒千叁拾壹人

內揀兵壹千壹百五拾叁人

公私土肆千玖百貳拾畝零

公私田壹萬貳千玖百五拾畝零

鹽田陸畝五高

稅錢

原例壹萬貳千肆百陸拾貳貫零

新例壹萬肆千貳百貳拾壹貫零

稅粟

原例捌千玖百拾貳斛零

新例壹萬陸百陸拾玖斛零

風俗

縣風俗大抵儉勤，多尚氣。昏禮問名用銀釵壹對，祠子壹面，親迎則錢文貳、叁拾貫，或至壹百貫，豬或牢壹頭。喪禮富者依禮，貧者間亦潦草，各隨其家之有無。遞年除夕掃舍宇，陳祭器，立標于庭，乃供酒饌以迎先祖。元旦三節日致祭，相與往來慶賀。端陽日奠祖，午辰采百草，隨其年支^巳東爲獸形懸于家中，間取其葉以療疾。每年貳、捌兩月，邑里各具麪餅或雞酒就神祠祭之，謂之祈穀。陸月日則備牲粢酒菓以祀神，謂之祈福。間有道民，全從只貳社滿，間從只拾肆社村滿。

物產

該縣轄之寶臺山有仙茅草可供藥品。遞年柒、捌月間陣雨後，水田中常生小虫名桂蠹（俗號蜣螂），其色淡赤，其味辛香，可供炙食，亦可淹食，但尋獲無幾。又有一類亦產於水田中，略似桂蠹而差小，俗呼蛟蟻，貧民單取轉賣于市。其色黑，其味香，可

供炙食。^{B7}丹制、古涇貳社村民間有業甘蔗者，遞年正月植，拾貳月取汁煮作稀蜜，轉賣營生。

氣候（已敘全編）

山川

南界山屬淡水、陽律貳社海岸，南接木山（小山，在喬木社），北連津汛，東濱大海，西下平田，周圍約數十里。俗傳昔雄雒辰有楮童子尚王女子，此山上修道築庵以居，人呼為楮童子庵。又有宅址貳號瓊園，但日久荒頽，不詳其處。山之西有瀑泉流于黃江（即堯江流過黃河社）號囂囂泉，水味甘美。所在民有載以賣者，人多珍之。山上有片雲^{B9}即雨，謂之帶冠信，昔南與占國接界，故名此。

寶臺山在中總永留社山分。重巒疊嶂，望之如樓臺，然上下壹帶白沙，北抵天台溪（屬永留社地分）。昔南北構兵，寧郡公常軍其地，俗呼為寧公沙。

日麗山在上壹總魏陽、黃芹貳社山分。峰巒聳拔，樹木蒼翠，為此儲眾山之最高。

梅山在兌總以下育物社山分。俗傳山木秀茂，則所居之民物康阜云。

彥山在爪牙社。平陽突起數嶺，北枕彥江，江上官路有彥渡，^{B8}渡頭有市。

龍驤山在盤石社。峰崗峭拔，沿山民居參錯。東南

有大石豎立，肆旁小石環列。土人號為佛出，建寺祀之。

隊山在中總丹制社。平陽突起三峰橫跨彥江。江中石浮越如隊。

城山在上壹總以下屯田社。從日麗山來突起貳嶺。昔南北構兵常軍其地，壘跡現存。

感山在大柰社，道城之東北玖拾餘丈，形如伏虎，無高樹大石。以其在大柰社又名柰山。山上有寺。世傳舊黎驪郡公所建。嗣德元年承天府尹休致阮著重修。至今現存。登山而望，城中屋舍歷歷可指。^{B6}堯山壹帶縈迴一東南，河清、若石諸山拱挹其左右。此亦道轄中之小小名勝。

蓋山在德林社以下。

義山

天台山在中總永留社。

河清山在下壹總黃河社。

彥江自又轄菓品江（即藍江）分流，經明良、翠瀉等處過道轄兌總爪牙社為彥江；東南流至古涇、珠林等社與淇江、耶江、堯江合流東注津汛入海。江當官路有彥渡，水深拾餘尺。

耶江自兌總梅山，東總申撥諸山澗流下，至上磊村合為耶江，經下磊至古涇等社注入彥江。江當官路有耶渡，水深拾餘尺。

淇江自寶臺山溪流下，至上壹總東魯、玉田等社合

為淇江。東北流至珠林社注于彥江。江當官路有淇渡，水深陸、柒尺。

堯江自錦川縣美喬總美喬社諸山澗流下，至香芹社分為貳支。壹支東南流為錦川縣之樂江。此支自大增、德林、永賴等社逕道城之南為堯江，東北流至廷槐村與彥江合，以其過大柰社又名柰江。江當官路有柰渡，水深拾肆、五尺。

路程

10a

驛路北夾又轄，自彥渡經爪牙社，下磊村耶渡，撩溝館古涇社，巴江館扶越、丹制貳社，靜丹站，玉壘社，淇市玉田社，淇渡大節社，豆顛館忠節社，道城大柰社柰渡至弗撓社，長叁拾柒里壹百貳拾玖丈，橫壹丈。

一條小路自大柰社驛路，西經德林、屯田等社至申靈，長拾貳里，橫貳尺。又山行約半日抵于又轄香溪縣福澤社民居。

一條小路自玉田社驛路，西經先梁、蚌珠、伊苗等社至申撥，長拾五里，橫貳尺。又山行約一日抵于香溪縣莅。

一條小路自彥渡驛路，西經盤石、都行、芳美、美代等社。又一條小路自忠節驛路，西經東魯、永留等社，均可通于申撥，長拾貳里，橫貳尺。

一條小路自道城東北下經桐門渡，至于南界山海

濱，長貳拾里，橫貳尺。
一條小路自道城東南，經柰渡過亭市至海濱，長貳拾五里，橫貳尺。

11a

錦川縣

舊莅所在雲傘總雲峰社地分。嗣德肆年奉合為奇英壹縣（由道兼理）。茲現領肆總玖拾壹社村庄坊瀉。東際海，西沿山，南接奇英縣之馴象、春錦等社村，以樂江、玉山為界，北接石河縣之德林、弗撓、碧會等社。東西相距陸拾捌里半，南北相距肆拾叁里肆拾五丈。

美喬總（貳拾肆社村）

雲傘總（叁拾玖社村庄坊）

樂川總（拾肆社村瀉）

土坂總（拾肆社村）

揀兵五百五人

11b

人數肆千貳百柒拾肆人

內職色壹百五人

內免差項貳百五人

內揀兵五百五人

內正納叁千肆百五拾玖人

公私土壹千叁百捌拾壹畝零

公私田壹萬壹千五百叁拾柒畝零

鹽田叁拾玖畝零

稅錢

原例陸千陸百拾貫零

新例捌千壹百柒拾陸貫零

稅粟

原例柒千五百五拾斛零

新例玖千肆百拾貳斛零

鹽稅貳千玖百叁拾升零

風俗

該縣婚喪祭各禮大抵與石河、奇英貳縣同。惟厥若社有業木匠，現有^{12a}匠額，與有壹貳村或作篔簹者，但亦粗拙，只係民間常用。餘無他技。間有道士全從只貳滿，間從只五社村。

物產

該縣物產大抵與石河、奇英貳縣同。惟讓汎有烏賊魚及產白鹽。

氣候

該縣氣候大抵與石河、奇英貳縣同。

山水

主張山在美喬總美喬社山分。層巒聳突，高出眾山。山下出雞冠峰，有巨人跡，俗呼為仙跡。

12b

象鼻山在樂川總化育社海分。西南枕旗頭山，北臨樂江連讓汎，東濱大海。山之東北壹帶峒巒出海，形如象鼻。

天琴山在雲傘總奇羅社海岸讓汎之左，東連大海，南望象山。山之東有壹竅通于山腹。俗傳昔雄王南遊到此，聞天籟聲，故名天琴。後胡季釐敗走到此，為明師所獲，又名天鈴。

鳳凰山在土坵總以下鳳凰社。

霍山在可律村。

鞍馬山在上祿村。

城山在美喬總大增社。昔南北構兵常軍其地，壘跡尚存。

12a

會山在雲傘總以下舍戶村。

美山在美祿村。

若石山在若石社。山上大石有巨人跡。

壽山在鳳輦村。

島山在讓汎海外。穹寵旁有通竅，廣可容舟。

樂江自土坵總賴祿村山分，經上壽、東英至樂賀為

樂江；東北流至化育社與戶江合注于讓汎入海。

江當官路有樂渡，水深肆、五尺。

戶江自美喬總美喬社山分。諸溪流下，至香片分為

貳支。壹支東北流為石河縣之堯江；此支東南流

經如河、水潮經可律村為戶^{12b}江，東流至化育

社與樂江合。江當官路有戶渡，水深肆、五尺。

禮江出自土坂總鞍馬山溪流下，經綏祿、庵市、順禮至權東村注于樂江。當驛路有權橋，水深肆、五尺。

讓汎在讓畔社，水潮深玖尺，闊拾叁丈；水夕深叁尺五寸，闊玖丈五尺。

路程

該縣驛路北夾石河縣弗撓社，經永賴社庫館，香喬優長那館，靜溪站市，雲峰社戶渡，戶館，可律舍，諾諾橋，來中庵市，鳳凰館，權東，順禮，樂賀等村，買館至樂渡玉石山，長肆拾叁里肆拾五丈，橫壹丈。

14a

一條小路自順禮村驛路西經鳳凰山通于山分，長拾里，橫貳尺。

一條小路自驛路會市，西經敷榮、朝上、規榮等村，北至上瀑源村達于申靈，長拾貳里，橫壹尺五寸。

一條小路自靜溪站東經場外、東泉、後昆、奇羅等社村抵讓汎，長拾五里，橫貳尺五寸。

15a

奇英縣轄

該縣城在河中總仁耕社地分。城砌土磚，肆角，叁門，周圍貳百五拾捌丈貳尺五寸，身高柒尺叁寸，濠闊貳丈貳尺。舊併錦川縣，領捌總。茲現領肆總玖拾壹社村庄坊瀉。東際海，西沿山，南夾廣平省廣澤府平政縣，以橫山半嶺為界，北接錦川縣之文台、丹川、化育等社村，以玉山，樂江為界。東西相距壹百叁里，南北相距玖拾里肆拾壹丈。

河中總（貳拾貳社村）

弘禮總（貳拾捌社村庄瀉）

杜渚總（拾玖社村庄坊）

汲引總（貳拾貳社村庄）

15b

揀兵五百捌拾陸人

人數五千壹百陸拾壹人

內職色捌拾叁人

內免差項叁百肆拾五人

內揀兵五百捌拾陸人

內正納肆千壹百肆拾壹人

公私土壹千貳百捌拾肆畝零

公私田柒千捌百玖拾柒畝零

鹽田叁畝捌高

稅錢

稅粟

原例陸千陸百玖拾壹貫零
新例柒千柒百捌拾肆貫零

原例五千五百叁拾壹斛零
新例陸千肆百肆拾陸斛零

鹽稅貳百捌拾五升

風俗

該縣風俗與錦川、石河貳縣略同。間有道民全從只五村坊庄，間從只壹庄。

物產

該縣物產與錦川、石河貳縣同。惟樂山、春山、望柳等村居屬山分多畜水土牛蓄息多於他轄。際海之烏蹲山有產孔螺，其孔或柒或玖，所在民居間有探取日乾以供食品，但不多得。汛口有產白鹽，亦屬無幾。

氣候

該縣氣候與錦川、石河貳縣同。

山水

橫山在弘禮總春山、牛山等村地分。壹條西來橫截跨海，為南北要扼之衝。昔南北構兵，山嶺有寧公舊壘，遺跡尚存，今有關門駐守。

馬鞍山在河中總維滌村地分，望柳村諸山之東，火

號山之北。山形東南平低，西北高聳，望之如馬鞍。山之東有舊永安鎮城，遺跡尚存。

火號山，有貳。壹在河中總維滌村地，慈嶺山之東北，馬鞍山之南；壹在大濠村地分驛路之西，俗傳昔南北構兵，常于此貳山舉火為號。

南望山在弘禮總和律、永中、瀉盜等村庄海分。峰巒連疊，南北兩頭接海，神投溪流繞其西，東邊壹泓海水，即名安澳。山下沙背中有永中、瀉盜貳村庄民居。自外民居入者必經此山巒方到其處。居民常患海匪。茲現有屯兵駐守。世傳昔胡漢蒼常于此山駐兵，後為明師所獲。東南峰俗號烏蹲山，山足水中石產孔螺物。

盤渡山在杜渚總富悅、安恬貳村庄海分，口汛之左高望山之北東連大海。世傳昔陳睿尊平占舟師泊此，夜夢壹人稱為南溟都督乞贈壹女。乃以碧珠夫人置金盤送水神。後黎聖尊敕封為制勝夫人。今祠在口汛，頗有靈應。山上有潭。傳言昔有仙女從潭中出遊石上云。

玉石山在汲引總馴象社地分。驛路之東連峰聳起，西北臨樂江，東接旗頭山。山上有巨石豎立，望之如象形，俗呼為象山。

旗頭山在汲引總如崗村地分，西連玉石山，東北接象鼻山。樂江環繞其北。此山於玉石、象鼻諸山為最高。

慈嶺山在合中總春山村地分，廣平省雄山之東北，

南連橫山，北接春山村諸山，西連崗峒，東下平田。峰巒重疊。舊驛路自廣¹⁸⁸平省雄山汎經此山巒通于奇英縣河中社，驛路長叁拾五里，橫五尺。山脊有寧公舊壘，連于橫山，遺跡尚存。

越井崗在弘禮總富義社地分，縣城之東南。一帶平崗傍開石壁，中有寒泉流出。土人鑿木承之。水甚甘美。俗傳昔有督閩嘗禁民無得汲泉，忽閉不通。以仙人言殺牛賽神，弛其禁，乃如舊。

山陽島在弘禮總樸門裕安貳村海外水中，山形穹寵，腹有空竅。傳言西有燕巢其中。後爲雷打缺漏，遂不復巢云。

乾山在河中總以下永愛社。

樂山在樂山村。

土山在興仁村。

香山在香山村。

黃山在汲引總黃江村。

土山在杜渚總山律村。

刀山在弘禮總以下神投村。

牛山在牛山村。

智江出自馬鞍山，經弘禮總之維滌、仁里等村爲智江，東北流至裕盛村受唐溪、盤溪、神投溪諸水注于口汎入海。江當官路有智渡，水深叁、肆尺，潮退可涉。

口汎水潮深捌尺五寸，闊拾玖丈；水夕深貳尺五

路程

寸，闊拾壹丈壹尺。

驛路北夾錦川縣樂渡，經馴象社靜樂站，有樂安夏館橋，漠溪館橋，香山裕成茄溪山朝市館廟橋，官市表喬仁耕靜沙站，縣城，智江、興仁雙廟，亭橋，盤石溪，鹹水溪，椰市，火號山館廟橋，靜神站，神投溪，壘溪，崑崙牛山至橫山半嶺，長玖拾里肆拾壹丈，橫壹丈。

一條小路自河中社官市驛路西南，經春水、維滌、智溪、火號山過慈嶺巒、裴溪、笠溪南行通于廣平省雄山汎，長叁拾里，橫壹尺五寸。西驛路由此，今尚有站舍遺址。又自慈嶺西行過健溪通于廣平古桿。

一條小路自靜樂站東經有樂、春錦至化育市過汎渡抵于讓汎，長¹⁸⁹拾五里，橫壹尺五寸。

一條小路自山朝村驛路，東經山律渡順定、安恬等村庄至海，長拾五里，橫壹尺五寸。

一條小路自縣城西經望椰山巒至望椰村北行，經肅湘、芳峒、文台、如河等村東下美喬、黃芹等社通于道城，長壹百貳拾里，橫壹、貳尺不等。

一條小路自縣城東經效順社智渡、權衡村權渡、裕成村神投溪過高望山巒抵安澳屯，又自效順社東北經同耐村永祿渡抵口汎，長叁拾里，橫貳尺。

